

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021 (tiếp theo)
(Phương thức xét học bạ; tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 10, lớp 11, lớp 12; xét kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM năm 2021)

Thực hiện Công văn số 3190/BGDĐT-GDDH ngày 30/07/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công tác tuyển sinh 2021 trong tình hình dịch COVID-19. Nhằm đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện cho thí sinh đăng ký xét tuyển trong tình hình dịch Covid-19. Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một tiếp tục thông báo xét tuyển vào đại học chính quy cho các Phương thức xét học bạ; tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 10, lớp 11, lớp 12; xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2021, cụ thể như sau:

1. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ: từ ngày 02/08/2021 đến 17h ngày 15/08/2021

2. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ: ngày 20/08/2021

3. THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC NHẬP HỌC: 30/08/2021 đến 10/09/2021

4. HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ: Thí sinh chọn một trong hai cách sau

* **Cách 1:** Đăng ký online tại đường link: <http://dkxt.tdmu.edu.vn>

* **Cách 2:** Điền thông tin vào mẫu phiếu rồi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện về cho Trường Đại học Thủ Dầu Một theo địa chỉ phía cuối thông báo.

Lưu ý: Thí sinh chưa cần nộp học bạ và bằng tốt nghiệp THPT, nếu thí sinh trúng tuyển trường mới yêu cầu nộp để đối chiếu sau. Nếu đăng ký online phải dùng máy tính để bàn hoặc laptop để đăng ký, không dùng điện thoại để đăng ký.

5. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Phương thức	Tên phương thức
1	Xét học bạ (có 02 hình thức): * <i>Hình thức 1:</i> Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn; * <i>Hình thức 2:</i> Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn.
3	Tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 Thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, lớp 11, lớp 12) được tuyển thẳng. Riêng 4 ngành: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử chỉ tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 12.
4	Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM năm 2021
Riêng 4 ngành: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử yêu cầu phải có học lực năm lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.	



6. LỆ PHÍ ĐKXT: 25.000 đồng/1 nguyện vọng (ngành). Nộp lệ phí bằng cách chuyển tiền vào tài khoản:

- Số tài khoản: **65010000465078** tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Dương
- Tên chủ tài khoản: Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Nội dung nộp tiền: **TS2021 Số CMND của thí sinh** (Vd: TS2021 28123456)

7. ĐIỂM CHUẨN NHẬN HỒ SƠ VÀ CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Điểm chuẩn nhận hồ sơ phương thức xét học bạ (Bao gồm 2 hình thức)	Điểm chuẩn nhận hồ sơ Xét kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM
1	Giáo dục học	7140101	17	550
2	Thiết kế đồ họa	7210403	18.5	550
3	Âm nhạc	7210405	17	550
4	Mỹ thuật	7210407	16	550
5	Hóa học	7440112	17	550
6	Công nghệ sinh học	7420201	16	550
7	Kỹ thuật phần mềm	7480103	18	550
8	Hệ thống thông tin	7480104	18	550
9	Quản lý công nghiệp	7510601	17	550
10	Kỹ thuật điện	7520201	17	550
11	Kỹ thuật xây dựng	7580201	18	550
12	Kiến trúc	7580101	17	550
13	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	15	550
14	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	17	550
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	17	550
16	Kỹ nghệ gỗ	7549001	15	550
17	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	20	600
18	Công nghệ thực phẩm	7540101	18	550
19	Quản lý đô thị	7580107	18	550
20	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	18	550
21	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	18	550
22	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	18	550
23	Toán học	7460101	18	550
24	Kỹ thuật môi trường	7520320	15	550
25	Dinh dưỡng	7720401	15	550
26	Công tác xã hội	7760101	18	550
27	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	16	550
28	Quản lý nhà nước	7310205	19	600
29	Quản lý đất đai	7850103	18	550

30	Văn hóa học	7229040	16	550
31	Tâm lý học	7310401	18	550
32	Quan hệ quốc tế	7310206	18	550
33	Chính trị học	7310201	17	550
34	Du lịch	7810101	19	550
35	Business Administration	7340101E	18	550
36	Software Engineering	7480103E	18	550
37	Chemistry	7440112E	18	550
38	Electrical and Electronic Engineering	7520201E	18	550
39	Giáo dục Mầm non	7140201	24	700
40	Sư phạm Lịch sử	7140218	24	700
41	Sư phạm Ngữ văn	7140217	24	700
42	Giáo dục Tiểu học	7140202	28.5	800
43	Luật	7380101	20	600
44	Kế toán	7340301	20	600
45	Quản trị kinh doanh	7340101	22.5	700
46	Tài chính - Ngân hàng	7340201	19	600
47	Công nghệ thông tin	7480201	19.5	550
48	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	20	600
49	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	20	600
50	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	20	600
51	Truyền thông đa phương tiện	7320104	19	550
52	Ngôn ngữ Anh	7220201	20	600

Lưu ý

- Đối với các môn thi năng khiếu: Nhà trường chỉ tổ chức thi 01 lần vào ngày 09/08/2021.

- Mức điểm khu vực và đối tượng được cộng vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh:

	ĐIỂM KHU VỰC				ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
	KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04	05 - 07
Điểm được cộng cho phương thức xét học bạ	0,75	0,5	0,25	0	2	1
Điểm được cộng cho phương thức xét điểm thi ĐGNL	30	20	10	0	80	40

8. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

- Kết quả trúng tuyển chỉ có giá trị khi thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT.



- Nhà trường sẽ đối chiếu lại điểm mà thí sinh đã kê khai trong Phiếu ĐKXT với học bạ. Trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển nếu thí sinh kê khai điểm, khu vực, đối tượng ưu tiên trong Phiếu ĐKXT không đúng và chưa được công nhận tốt nghiệp THPT.
- Thí sinh tuyển thẳng học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, lớp 11, lớp 12) và xét kết quả thi ĐGNL vào ngành Giáo dục Mầm non, ngành Âm nhạc thì môn năng khiếu phải đạt từ 5 điểm trở lên.

Mọi thông tin xin liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 06, đường Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> **Email:** trungtam TUYENSINH@tdmu.edu.vn

Điện thoại: 0274.3835.677 - 0274.3844.340 – 0274.3844.341

Fanpage: www.facebook.com/dhtdm2009 - **Hotline:** 0911.022.322

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Lãnh đạo trường;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



TS. Nguyễn Quốc Cường

PHỤ LỤC

TỔ HỢP XÉT TUYỂN CỦA PHƯƠNG THỨC XÉT HỌC BẠ

(Kèm theo thông báo Số: 12 /TB-ĐHTDM-HĐTSDH ngày 02 tháng 5 năm 2021
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển
1	Quản lý Công nghiệp	7510601	A00, A01, C01
2	Du lịch	7810101	D01, D14, D15
3	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01
4	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01
5	Hệ thống Thông tin	7480104	A00, A01, C01
6	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01
7	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01
8	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01
10	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00, A01, C01
11	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	A00, A01, C01
12	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01
13	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00
14	Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ Chế biến Lâm sản)	7549001	A00, A01, B00, D01
15	Quy hoạch Vùng và Đô thị	7580105	V00, D01, A00
16	Quản lý Đô thị	7580107	V00, D01, A00
17	Thiết kế Đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01
18	Âm nhạc	7210405	M05, M07, M11
19	Mỹ thuật ứng dụng (Mỹ thuật)	7210407	D01, V00, V01, V05
20	Văn hóa học	7229040	C14, C00, D01
21	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19
22	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01
23	Chính trị học	7310201	C14, C00, D01, C19
24	Quản lý Đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08
25	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08
26	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01
27	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08
28	Hóa học	7440112	A00, B00, D07
29	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, D01, B00, B08
30	Công nghệ Thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08
31	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	A00, A02, B00, B08
32	Dinh dưỡng	7720401	A00, D01, B00

33	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08
34	Giáo dục học	7140101	C00, D01, C14
35	Toán học	7460101	A00, A01, D07
36	Business Administration	7340101E	A00, A01, D01
37	Software Engineering	7480103E	A00, A01, C01
38	Chemistry	7440112E	A00, B00, D07
39	Electrical and Electronic Engineering	7520201E	A00, A01, C01
40	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15
41	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01
42	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15
43	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11
44	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01
45	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	C00, D01, D14
46	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, D01, C14
47	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
48	Kế toán	7340301	A00, A01, D01
49	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01
50	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01
51	Luật	7380101	C14, C00, D01
52	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01

- Đối với các ngành đào tạo bằng tiếng Anh, thí sinh phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Sau khi trúng tuyển, thí sinh nộp bổ sung giấy chứng nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ hoặc tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức.

BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lí, Hóa học
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lí, Sinh học
A07	Toán, Lịch sử, Địa lí
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung

Mã	Tên môn tổ hợp
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
M07	Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
V00	Toán, Vật lí, Năng khiếu
V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu
V05	Ngữ văn, Vật lí, Năng khiếu



HƯỚNG DẪN CÁCH TÍNH ĐIỂM XÉT HỌC BẠ

Hình thức 1: Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn

Ví dụ:

TỔ HỢP: A00								
Điểm môn: Toán			Điểm môn: Lý			Điểm môn: Hóa		
HK 1 lớp 11	HK 2 lớp 11	HK 1 lớp 12	HK 1 lớp 11	HK 2 lớp 11	HK 1 lớp 12	HK 1 lớp 11	HK 2 lớp 11	HK 1 lớp 12
6.5	6.8	6.3	6.5	6.7	6.3	6.5	6.4	6.3
$(6.5 + 6.8 + 6.3)/3 = 6.53$			$(6.5 + 6.7 + 6.3)/3 = 6.5$			$(6.5 + 6.4 + 6.3)/3 = 6.4$		
Điểm trung bình: 6.53			Điểm trung bình: 6.5			Điểm trung bình: 6.4		
Tổng điểm A00 (ĐTB Toán + ĐTB Lý + ĐTB Hóa) = 19.43 + (điểm UT)								

+ Điểm trung bình từng môn được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Nếu chữ số thập phân của mình bỏ đi nhỏ hơn 5 thì giữ nguyên các số gần nhất, còn nếu ≥ 5 thì cộng thêm một chữ số gần nhất.

Hình thức 2: Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn.

Ví dụ:

TỔ HỢP: A00				
MÔN	Toán	Lý	Hóa	Tổng điểm
ĐIỂM (Điểm tổng kết cả năm lớp 12)	6.7	8.7	7.0	22.4 + (điểm U'T)